

Phụ lục III
TỔNG HỢP NHU CẦU KIÊN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG 2026-2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Nội dung	Khối lượng	Ghi chú
1	Nhu cầu của địa phương	117 xã, phường (trên tổng số 135 xã/phường)	
2	Tổng chiều dài kênh mương cần kiên cố hóa	1.141,82 km	Khoảng 320 tỷ đồng/năm.
3	Tổng kinh phí dự kiến	1.601,58 tỷ đồng	Lồng ghép vào các chương trình Nông thôn mới.

Phụ lục IV
TỔNG HỢP NHU CẦU ĐẦU TƯ XÂY DỰNG MỚI, NÂNG CẤP, SỬA CHỮA HỆ THỐNG CẤP NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN (2026 - 2030)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Địa phương (Xã)	Tên công trình/Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Nội dung đầu tư	Kinh phí dự kiến (Triệu VNĐ)
1	Xã Vĩnh Thịnh	Sửa chữa công trình cấp nước làng M2- Sửa chữa công trình cấp nước làng M3- Sửa chữa công trình cấp nước làng Hà Ri, Thạnh Quang	M2M3Hà Ri, Thạnh Quang	Sửa chữa, nâng cấp bể nước, thay thế đường ống.	6.000 (mỗi công trình 2.000)
2	Xã Canh Vinh	Nâng cấp, đầu tư nhà máy nước sạch Suối Cầu- Đầu tư Hệ thống cấp nước sinh hoạt Suối Ba cây (Canh Tiên)	Thôn Thanh MinhLàng Canh Tiên	Cung cấp nước sạch cho các thôn cũ xã Canh Hiền. Cung cấp nước phục vụ nhân dân làng Canh Tiên.	15.000 (Suối Cầu: 10.000; Suối Ba cây: 5.000)
3	Xã Vạn Đức	Nâng cấp, sửa chữa hệ thống cấp nước tự chảy thôn 1, thôn 2- Nâng cấp, sửa chữa, mở mạng Hệ thống cấp nước tập trung xã Ân Tín	Xã Vạn Đức	Nâng cấp, sửa chữa và mở rộng mạng lưới cấp nước.	5.000 (mỗi công trình 2.500)
4	Xã Ia Hiao	Mở rộng hệ thống cấp nước sạch tại Bôn Ma Hrai, thôn Điểm 9 và thôn Bình Trang- Xây dựng mới 04 điểm cấp nước tập trung	Bôn Oi Hly, Chrôh Ponan, Sô Ma Long B, Sô Ma Hang B	Mở rộng và xây dựng mới các điểm cấp nước tập trung.	15.000
5	Xã An Lương	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt xã An Lương	Toàn xã	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước.	5.000
6	Xã Tuy Phước Đông	Mở rộng tuyến đường ống cấp nước	Xã Tuy Phước Đông	Tổng chiều dài tuyến đường ống mở rộng là 3,725 km.	700
7	Xã Ia Le	Hệ thống cấp nước tập trung thôn Phú 6 và thôn Ia Bia- Hệ thống cấp nước tập trung thôn Kênh Săn và thôn Phú Hòa	Thôn Phú 6, Ia BiaThôn Kênh Săn, Phú Hòa	Xây dựng hệ thống cấp nước (Tổng chiều dài ống chính mỗi khu vực	12.000 (mỗi hệ thống 6.000)

STT	Địa phương (Xã)	Tên công trình/Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Nội dung đầu tư	Kinh phí dự kiến (Triệu VNĐ)
				khoảng 5.000 m).	
8	Xã Đăk Pơ	Công trình cấp nước sạch tập trung Làng Klăh Môn	Làng Klăh Môn	Xây dựng công trình cấp nước sạch tập trung.	3.000
9	Các công trình tự chảy (Không ghi rõ xã)	Hệ thống nước tự chảy tại 10 làng: Hro, Đăk Bok, Kléché, Klur, Pngăl, Sing, Sơ Lam, Tăng Lăng, Tung Gút, Vir.	Làng Hro, Đăk Bok, Kléché, Klur, Pngăl, Sing, Sơ Lam, Tăng Lăng, Tung Gút, Vir	Xây dựng/Nâng cấp hệ thống nước tự chảy.	Làng Hro: 2.000 Làng Sơ Lam: 1.000 Làng Kléché: 1.000 Các làng còn lại: 500/làng,
10	Xã Sơn Lang	Hệ thống cấp nước sạch tập trung xã Sơn Lang	Xã Sơn Lang	Xây dựng/Nâng cấp hệ thống cấp nước sạch.	80.000
11	Xã Mang Yang	Nâng cấp sửa chữa công trình cấp nước tự chảy- Nâng cấp, mở rộng Trạm cấp nước sạch khu trung tâm xã	Thôn Bông Hiot	Sửa chữa ống dẫn, bể chứa đầu nguồn và trụ vôi. Khoan 05 giếng, 03 bể chứa 110m ³ , mở rộng đường ống cấp cho 875 hộ; bố trí 8 giếng khoan cho 08 làng ĐBK.	24.000 (nước tự chảy: 2.000; Trạm trung tâm: 22.000),
12	Xã Kim Sơn	- Cải tạo nâng cấp Trạm cấp nước sinh hoạt Bình Sơn- Cải tạo, nâng cấp HT nước sinh hoạt T4, T6- Xây dựng mới CT cấp nước sinh hoạt T1, T2, T5	Thôn Bình Sơn Thôn T4, T6 Thôn T1, T2, T5	Cải tạo, nâng cấp và xây mới hệ thống nước sinh hoạt.	75.000 (Bình Sơn: 8.000; T4,T6: 17.000; T1,T2,T5: 50.000)
13	Xã Hoài Ân	Cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước Ân Tường Đông. Nâng cấp hệ thống cấp nước sạch Ân Phong	Ân Tường Đông Ân Phong	Cải tạo và nâng cấp hệ thống cấp nước.	39.000 (Ân Tường Đông: 19.000; Ân Phong: 20.000)
14	Xã Ia Pia	Công trình nước sạch tại các làng: Doách, Cùm 3, Anéh, Khôi. Nâng cấp công trình tại: Xom Pôt, Hát, O Ngol.	Các làng thuộc xã Ia Pia	Xây mới và nâng cấp các công trình nước sạch.	19.100 (Xây mới dao động từ 3.200 - 5.000/làng; Nâng cấp 1.200/làng)

STT	Địa phương (Xã)	Tên công trình/Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Nội dung đầu tư	Kinh phí dự kiến (Triệu VNĐ)
15	Xã Đức Cơ	Hệ thống nước sinh hoạt tập trung tại 6 làng: làng cùi cũ (Grôn), Làng Grôn, Làng Krai, Làng Hrang, Làng Pnuk, Làng Áp.	Các làng thuộc xã Đức Cơ	Xây dựng hệ thống nước sinh hoạt tập trung.	27.000 (Mỗi làng 4.500)
16	Xã Ia Rsai	Mở rộng mạng lưới đầu nối với công trình cấp nước sạch	Xã Ia Rsai	Phục vụ nhu cầu nước sạch của tổ chức, cá nhân trên địa bàn.	41.100 (nhu cầu/tổng) (Hạng mục: 4.000)
17	Xã Ia Pnôn	Hệ thống cấp nước	Xã Ia Pnôn	Đầu tư hệ thống bể chứa, bể xử lý, bể lọc, đường ống nhựa HPDE đến từng hộ dân.	10.000
18	Xã Chợ Long	Nâng cấp, sửa chữa, đường nước tự chảy. Hỗ trợ giếng đào	Thôn 3, Thôn 4 Làng Klăh	Nâng cấp đường nước và hỗ trợ giếng đào.	2.620 (Nước tự chảy: 2.500; Giếng đào: 120)
19	Xã Phú Thiện	Đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch tập trung tại 04 thôn.	Thôn Ia Peng, Ia Ptau, Bôn Sô Mlong, Mơ Nai Trang	Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch tập trung.	8.880 (Dao động từ 1.600 - 2.800/thôn)
20	Xã Ia Hrung	Phát triển công trình cấp nước sạch tập trung	Xã Ia Hrung	Nhu cầu kinh phí đối với Nội dung thành phần số 2 - Nội dung 10.	2.000
21	Xã Canh Liên	Xây dựng và sửa chữa hệ thống cấp nước, nước tự chảy, kéo dài đường ống tại các làng.	Làng Cát, Cà Bông, Hà Giao, Kon Lót, Chôm, Cà Bung, Cà Nâu	Xây dựng, sửa chữa hệ thống nước sinh hoạt và đầu nối đường ống.	21.700 (Dự án lớn nhất: Làng Cát, Cà Bông 12.000)
22	Xã Kon Chiêng	Công trình cấp nước sinh hoạt tại 4 làng: Tar, Toăk, Đăk Ó, Klah.	Làng Tar, Toăk, Đăk Ó, Klah	Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt.	6.150 (Đăk Ó: 2.500; Tar: 2.000; Toăk: 1.000; Klah: 650)
23	Xã Tơ Tung	Công trình nước tự chảy tại: Đăk Pơ Kao (Toòng	Các làng thuộc xã Tơ Tung	Xây dựng công trình nước tự chảy.	3.000 (Mỗi khu vực 1.000)

STT	Địa phương (Xã)	Tên công trình/Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Nội dung đầu tư	Kinh phí dự kiến (Triệu VNĐ)
		Tầng cũ), Cao Sơn + Kléch, Sơ Tor.			
24	Xã Chư A Thai	Đầu nối hệ thống đường ống cấp nước sạch từ nhà máy nước Ayun Hạ	Các thôn trên địa bàn (tập trung các thôn xã Chư A Thai cũ)	Đầu nối hệ thống đường ống cấp nước sạch,.	15.000,
25	Xã Vĩnh Quang	Đầu tư hệ thống cấp nước	Xã Vĩnh Quang	(Chỉ nêu tổng nhu cầu kinh phí).	10.000
26	Xã Ia Dôk	Công trình cấp nước sạch nông thôn	Chư Bô 2	Xây dựng công trình cấp nước sạch.	2.000
27	Xã Ayun	Sửa chữa 4 CT cấp nước tập trung tự chảy- Giếng khoan và đài nước sinh hoạt (giếng khoan, đài nước, sân vôi, nhà tắm thay đồ - mỗi làng 3 cụm)	Làng Hiêr, ĐêKjêng, Plei Atur, KonBrung, Đê Bơ Tok	Sửa chữa công trình tự chảy và xây dựng giếng khoan, đài nước tích hợp nhà tắm.	7.400 (Sửa chữa: 3.000; Giếng khoan: 1.100/làng)
28	Xã Đăk Rong	Công trình nước sinh hoạt tại: Trung tâm xã, Hà Đùng 1, Kon Lốc 1, Kon Von 2, Kon Trang.	Các làng và trung tâm xã Đăk Rong	Xây dựng công trình nước sinh hoạt.	30.500 (Trung tâm xã: 25.000; Các làng: 1.000 - 2.000/làng)
29	Xã Vĩnh Sơn	Cải tạo, nâng cấp CT cấp nước tập trung O5- Xây mới CT cấp nước tập trung Kông Trú, K6, Đăk Tra & O3- Nhà máy nước các thôn Vĩnh Sơn cũ	Thôn O5, Kông Trú, K6, Đăk Tra, O3, K3, K2, K4, Suối Đá, Suối Cát, K8	Cải tạo, xây mới hệ thống cấp nước tập trung và nhà máy nước.	38.800 (Nhà máy nước: 20.000; Cấp nước K6: 10.000...)

Phụ lục V
CHI TIẾT DANH MỤC VÀ KHÁI TOÁN KINH PHÍ ĐẦU TƯ CÔNG
TRÌNH THỦY LỢI 6 TIỂU VÙNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

1. VÙNG NAM BẮC AN KHÊ

Đối với nhóm công trình xây dựng mới: Tổng mức vốn đầu tư dự kiến bố trí là 9.390 tỷ đồng

Đối với nhóm công trình nâng cấp, sửa chữa: Tổng mức vốn đầu tư dự kiến bố trí là 120 tỷ đồng

Chi tiết danh mục các công trình xây dựng mới

STT	Tên công trình	Địa điểm (trên địa bàn các xã thuộc huyện trước sáp nhập)	Quy mô tưới dự kiến (ha)
1	Hồ Làng Ghép	Đak Pơ	60
2	Hồ Đak Ha Yang	Đak Pơ	80
3	Hồ Đak Xom	Đak Pơ	50
4	Hồ Giáng Hương	Đak Pơ	12
5	Hồ Suối Bò	Đak Pơ	70
6	Hồ Cà Tung (Yang Bắc)	Đak Pơ	220
7	Hồ Làng Chair	Đak Pơ	160
8	Hồ Krông H'Ra	Đak Pơ	150
9	Hồ Xà Wong 1	Đak Pơ	120
10	Hồ Xà Wong 2	Đak Pơ	180
11	Hồ Hà Tam 2	Đak Pơ	130
12	Hồ An Sơn	Đak Pơ	640
13	Hồ Đak Xà Wong	Đak Pơ	300
14	Hồ Đak H'ra	Đak Pơ	350
15	Trạm bơm Tư Lương	Đak Pơ	50
16	Trạm bơm Cây Ké	Đak Pơ	200
17	Hồ Suối Dầu	Đak Pơ	50
18	Hồ Kon Trang 1	Kbang	30
19	Hồ Kon Uông 2	Kbang	50
20	Đập Đak Rô	Kbang	20
21	Đập Đak Ngam	Kbang	50
22	Hồ Đak Plen	Kbang	60
23	Đập Làng Khương	Kbang	50
24	Hồ Thượng Klêch	Kbang	65
25	Hồ Đak Lôp	Kbang	300
26	Hồ Làng Djang	Kbang	90
27	Hồ Làng Tăng	Kbang	160

STT	Tên công trình	Địa điểm (trên địa bàn các xã thuộc huyện trước sáp nhập)	Quy mô tưới dự kiến (ha)
28	Hồ Bơ Bôch	Kbang	35
29	Hồ Đak Ko Het	Kbang	100
30	Hồ Đak Nkak	Kbang	100
31	Đập Đak Tral	Kbang	100
32	Hồ Đak Sepay thượng	Kbang	150
33	Hồ Hà Màu	Kbang	70
34	Hồ Đak Tô Kông	Kbang	4.500
35	Hồ Suối Lơ	Kbang	950
36	Hồ Tông Trông 2	Kông Chro	180
37	Hồ Trâu	Kông Chro	75
38	Hồ Chư Rao	Kông Chro	50
39	Hồ Tờ Pôn 1	Kông Chro	100
40	Hồ Thôn 9	Kông Chro	125
41	Hồ Thượng Ya Ma	Kông Chro	50
42	Hồ Tơ Pôn	Kông Chro	100
43	Hồ Làng Rơn	Kông Chro	950
44	Hồ Tờ Nùng 1	Kông Chro	30
45	Hồ Nhang Lớn 3	Kông Chro	10
46	Hồ Đak Pơ Kơ	Kông Chro	2.000
47	Trạm bơm Kô Tô 1 (K Toh1)	Kông Chro	80
48	Trạm bơm Kô Tô 2 (K Toh2)	Kông Chro	80
49	Trạm bơm Kông Hva	Kông Chro	90
50	Trạm bơm Làng Húp	Kông Chro	60
51	Hồ Đak Sro	Kông Chro	400
52	Hồ Đak Pơ Pho	Kông Chro	950
53	Hồ Làng Bok	An Khê	90
54	Hồ Xóm Ké	An Khê	40
55	Hồ Phước Bình	An Khê	90
56	Hồ Hòn Trọc	An Khê	40
57	Hồ Suối Vôi	An Khê	120
58	Hồ Suối Đá	An Khê	300
59	Hồ Hòa Bình	An Khê	70
60	Trạm bơm Xuân An	An Khê	150
61	Đường ống cấp nước Ka Nak - An Khê	An Khê	7.410

Chi tiết danh mục các công trình nâng cấp, sửa chữa

STT	Tên công trình	Địa điểm (trên địa bàn các xã thuộc huyện trước sáp nhập)	Tình trạng công trình/Nhiệm vụ nâng cấp
1	Hồ Chánh	An Khê	Gia cố mái đập đảm bảo ATCT, nạo vét lòng hồ
2	Hồ Mười Thiêu	An Khê	Gia cố mái đập, làm lại tràn xả lũ đảm bảo ATCT, nạo vét lòng hồ
3	Trạm bơm An Phước	An Khê	Nâng cấp, kiên cố hóa kênh mương L=2,3 km
4	Hồ Bàu Lở	An Khê	Kiên cố mặt đập, tràn xả lũ đảm bảo ATCT
5	Trạm bơm Thành An	An Khê	Cải tạo bể hút, làm lại tuyến kênh L=3,6 km
6	Hồ Suối Le	An Khê	Gia cố mái đập đảm bảo ATCT, nạo vét lòng hồ
7	Hồ Tà Ly I	Đak Pơ	Sửa chữa nâng cấp đập đảm bảo ATHC (An toàn hồ chứa)
8	Hồ Tà Ly II	Đak Pơ	Sửa chữa nâng cấp đập đảm bảo ATHC
9	Hồ Cà Tung	Đak Pơ	Cấp nước sinh hoạt thị trấn, tưới. Cần XD kênh tưới diện tích bên trái đập
10	Hồ Đội 2 Tân Thành	Đak Pơ	Nâng cấp đập, kiên cố kênh
11	Hồ Thôn Trang	Đak Pơ	Sửa chữa nâng cấp đập đảm bảo ATHC
12	Đập Kon Lanh Te	Kbang	Kiên cố kênh mương
13	Đập Đăk Ding Dong	Kbang	Kiên cố kênh mương
14	Hồ Gu Ga	Kbang	Nâng cấp đập đảm bảo ATHC
15	Đập Tờ Kân	Kbang	Nâng cấp đập, làm thêm cống xả cát
16	Hồ Đăk Dăng	Kbang	Nâng cấp đảm bảo ATHC (gia cố mái đập, xử lý thấm)
17	Đập Sơn Lang (Thôn 2)	Kbang	Cần gia cố đập, lát mái đảm bảo an toàn công trình
18	Đập Đak Phan	Kbang	Kiên cố 2,5 km kênh ổn định diện tích tưới
19	Đập Đê Bar	Kbang	Nâng cấp đập thành hồ
20	Đập Đăk TNăng	Kông Chro	Sửa chữa đầu mối, kiên cố hóa kênh mương
21	Đập Yang Nam (Đôn Chảo)	Kông Chro	Kéo dài 250 m kênh mương mở rộng diện tích tưới thêm 3 ha

2. VÙNG THƯỢNG AYUN

Đối với nhóm công trình xây dựng mới: tổng mức vốn dự kiến là 3.131 tỷ đồng.

Đối với nhóm công trình nâng cấp, sửa chữa: tổng vốn dự kiến bố trí là 95 tỷ đồng.

Chi tiết danh mục công trình xây dựng mới

STT	Tên công trình	Địa điểm (trên địa bàn các xã thuộc huyện trước sáp nhập)	Diện tích tưới dự kiến (ha)	Quy mô/Loại hình
1	Hồ Chư Bơ	Chư Puh	600	Hồ chứa
2	Hồ Ia Rong	Chư Puh	900	Hồ chứa
3	Hồ Làng Long (Tông Will)	Chư Puh	700	Hồ chứa
4	Hồ Khôi Zet	Chư Sê	380	Hồ chứa
5	Hồ Hố Bua	Chư Sê	110	Hồ chứa
6	Đập Ia Krit	Chư Sê	200	Đập dâng
7	Hồ Kchi Ruồi	Chư Sê	1.300	Hồ chứa
8	Hồ Làng Ngo	Chư Sê	2.500	Hồ chứa
9	Trạm bơm Kênh Siêu	Chư Sê	170	Trạm bơm
10	Hồ Đak Pơ Đrah	Đak Đoa	200	Hồ chứa
11	Trạm bơm Ia Băng	Đak Đoa	170	Trạm bơm
12	Hồ Ia Braou	Đak Đoa	280	Hồ chứa
13	Hồ Đăk LaHa	Đak Đoa	40	Hồ chứa
14	Hồ Đak Hơ Long	Đak Đoa	40	Hồ chứa
15	Hồ De Bring	Đak Đoa	180	Hồ chứa
16	Hồ Đăk Trang	Đak Đoa	110	Hồ chứa
17	Hồ Ia Houe	Đak Đoa	100	Hồ chứa
18	Hồ Ia Nhá	Đak Đoa	120	Hồ chứa
19	Hồ Jong Lao	Đak Đoa	80	Hồ chứa
20	Hồ Đăk Hnhang	Đak Đoa	80	Hồ chứa
21	Hồ Hà Lòng	Đak Đoa	700	Hồ chứa
22	Hồ Đăk Trau Dle	Mang Yang	600	Hồ chứa
23	Hồ Đăk Tkot	Mang Yang	170	Hồ chứa
24	Hồ Lơ Pang	Mang Yang	60	Hồ chứa
25	Đập Jơ Mông	Mang Yang	20	Đập dâng
26	Hồ Đăk PDong	Mang Yang	680	Hồ chứa

Chi tiết danh mục 07 công trình nâng cấp, sửa chữa hiện trạng

STT	Tên công trình	Địa điểm (trên địa bàn các xã thuộc huyện trước sáp nhập)	Diện tích tưới sau nâng cấp (ha)	Tình trạng công trình/Nhiệm vụ nâng cấp
1	Đập Ia Tơ Ke (Ia Ke 1)	Chư Puh	210	Nâng cấp thành hồ chứa
2	Đập Bêtel (Ia Rong)	Chư Puh	25	Kiên cố hóa kênh mương

STT	Tên công trình	Địa điểm (trên địa bàn các xã thuộc huyện trước sáp nhập)	Diện tích tưới sau nâng cấp (ha)	Tình trạng công trình/Nhiệm vụ nâng cấp
3	Đập Ia Pét	Chư Sê	20	Nâng cấp đập, cống, kiên cố hóa 2,5 km kênh mương
4	Hồ H'Nạp	Đak Đoa	190	Cần nạo vét lòng hồ, gia cố mái, làm lại cống lấy nước
5	Hồ Cống Vôi	Đak Đoa	50	Nạo vét lòng hồ, làm lại cửa van cống điều tiết, cống xả bùn cát, kiên cố kênh mương
6	Đập đầu hồ thôn 1	Đak Đoa	42	Làm lại phai đập
7	Hồ Hà Ra Nam	Mang Yang	104	Nâng cấp kênh mương với chiều dài 10 km

3. VÙNG AYUN PA

Đối với nhóm công trình xây dựng mới: Dự kiến bố trí nguồn vốn rất lớn lên tới 9.215 tỷ đồng

Đối với nhóm công trình nâng cấp, sửa chữa: Dự kiến bố trí 31 tỷ đồng

Chi tiết danh mục 17 công trình xây dựng mới

STT	Tên công trình	Địa điểm (trên địa bàn các xã thuộc huyện trước sáp nhập)	Quy mô / Loại hình	Diện tích tưới dự kiến (ha)
1	Hồ Ea Thul (Ia Thul)	Ia Pa	Hồ chứa	7.700
2	Hồ Ea Toan	Ia Pa	Hồ chứa	250
3	Hồ Ia Rheo	Ia Pa	Hồ chứa	1.020
4	Hồ Đăk Pi Hao	Ia Pa (và Kông Chro)	Hồ chứa + Đập dâng	10.200
5	Hồ Đăk Pờ Tó	Mang Yang (cấp cho Ayun Pa)	Hồ chứa	2.150
6	Hồ Ia Ke	Phú Thiện	Hồ chứa	700
7	Hồ Ea Sol	Phú Thiện	Hồ chứa	700
8	Hồ Ea Hiao	Phú Thiện	Hồ chứa	250
9	Trạm bơm Chư Mố 4	Ia Pa	Trạm bơm	200
10	Trạm bơm Bung	Phú Thiện	Trạm bơm	30
11	Trạm bơm Ia Sol	Phú Thiện	Trạm bơm	1.000
12	Trạm bơm Hồ Ayun Hạ (thượng nguồn)	Phú Thiện	Trạm bơm	10.000
13	Trạm bơm Làng Trớ	Phú Thiện	Trạm bơm	300
14	Trạm bơm Làng Bung	Phú Thiện	Trạm bơm	300
15	Trạm bơm Hải Hà	Phú Thiện	Trạm bơm	300
16	Trạm bơm Thăng Lợi	Phú Thiện	Trạm bơm	150

17	Trạm bơm Piar	Phú Thiện	Trạm bơm	300
			Tổng: 36.150 ha	

Chi tiết danh mục 04 công trình nâng cấp, sửa chữa

STT	Tên công trình	Địa điểm (trên địa bàn các xã thuộc huyện trước sáp nhập)	Diện tích thiết kế/thực tế (ha)	Tình trạng công trình / Nhiệm vụ nâng cấp
1	Trạm bơm Ia Rtô (Tín Lập)	TX. Ayun Pa	70/40	Nâng cấp nhà trạm bơm để đảm bảo an toàn và hiệu suất
2	Trạm bơm Mnei Mơ Nai Trang (ông Đức)	Phú Thiện	22/22	Nâng cấp nhà trạm, bể xả để ổn định diện tích tưới
3	Trạm bơm Plei Toan	Ia Pa	60/53	Nâng cấp trạm bơm đầu mối
4	Hồ chứa nước Ayun Hạ	Phú Thiện	13.500/7.414	Đang thực hiện sửa chữa, nâng cấp an toàn đập theo dự án WB8

4. VÙNG KRÔNG PA

Đối với nhóm công trình xây dựng mới: Dự kiến bố trí 2.453 tỷ đồng

Đối với nhóm công trình nâng cấp, sửa chữa: Dự kiến bố trí 42 tỷ đồng

Chi tiết danh mục công trình xây dựng mới

STT	Tên công trình	Quy mô/Loại hình	Diện tích tưới dự kiến (ha)	Nhiệm vụ chính và Ghi chú
1	Hồ Krông Năng	Hồ chứa	400	Tưới tại chỗ cho lúa, màu và cây công nghiệp ngắn ngày.
2	Hồ Ea Rsai	Hồ chứa	1.950	Cấp nước tưới cho lúa, màu và cây công nghiệp ngắn ngày tại khu vực tả sông Ba.
3	Hồ Ea Guir	Hồ chứa	1.100	Nằm tại xã Chư Rcam, tưới chủ yếu cho màu và cây công nghiệp ngắn ngày.
4	Hồ Ea Mok	Hồ chứa	100	Tạo nguồn tưới bổ sung tại chỗ.
5	Hồ Thượng Ea Ur	Hồ chứa	3.050	Tưới tại chỗ cho 850 ha màu, cây công nghiệp; đồng thời xả nước bổ sung cho đập Ea Ur ở hạ lưu.
6	Hồ Ea Milane	Hồ chứa	350	Tưới tại chỗ cho màu và cây công nghiệp hàng năm; kết hợp xả nước cho đập Ea Ur.
7	Hồ Ea Trat	Hồ chứa	590	Tưới tại chỗ cho 290 ha rau màu và xả nước xuống hạ du cung cấp cho đập Ea Ur.
8	Hồ Ea Drê	Hồ chứa	4.300	Cấp nước tưới cho cánh đồng xã Ia Rsuom và bổ sung nguồn nước vào đập Ea Ur.

STT	Tên công trình	Quy mô/Loại hình	Diện tích tưới dự kiến (ha)	Nhiệm vụ chính và Ghi chú
9	Hồ Ea Ke	Hồ chứa	650	Tưới chủ yếu cho màu và cây công nghiệp ngắn ngày.
10	Hồ Buôn Drét	Hồ chứa	380	Tưới cho lúa, màu và cây công nghiệp ngắn ngày.
11	Trạm bơm Krông Năng	Trạm bơm	90	Trạm bơm động lực ven sông/suối lớn.
12	Trạm bơm Chư Ngọc	Trạm bơm	400	Khai thác nguồn nước mặt phục vụ tưới tại chỗ.
13	Trạm bơm B Ja Rông	Trạm bơm	100	Mở rộng diện tích tưới các khu vực ven sông.
Tổng			15.610	

Chi tiết danh mục các công trình nâng cấp, hoàn thiện

STT	Tên công trình	Diện tích tưới sau nâng cấp (ha)	Tình trạng công trình/Nhiệm vụ nâng cấp
1	Hệ thống kênh mương hồ Ia M'lah	5.150	Tập trung nguồn lực hoàn thiện hệ thống kênh mương nội đồng để phát huy tối đa công suất tưới cho 1.500 ha lúa và 3.650 ha màu, cây công nghiệp ngắn ngày.
2	Hệ thống hồ Ea Dreh	820	Nâng cao dung tích trữ của hồ để tăng cường năng lực cấp nước (diện tích tưới tăng thêm 280 ha màu).
3	Đập Ea Ur	60	Nâng cấp để tiếp nhận và mở rộng diện tích tưới khi có nguồn nước bổ sung từ 04 hồ chứa (Thượng Ea Ur, Ea Milane, Ea Trat và Ea Drê) chuyển về.

5. VÙNG ĐÔNG TÂY PLEIKU

Đối với nhóm công trình xây dựng mới: Dự kiến bố trí 3.122 tỷ đồng

Đối với nhóm công trình nâng cấp, sửa chữa: Dự kiến bố trí 272 tỷ đồng

Chi tiết danh mục các công trình xây dựng mới

STT	Tên công trình	Địa điểm (trên địa bàn các xã thuộc huyện trước sáp nhập)	Diện tích tưới dự kiến (ha)
1	Hồ Ia Khôi	Chư Păh	200
2	Đập Đak Tơ Ver	Chư Păh	200
3	Hồ Ia Rhone	Chư Păh	170
4	Hồ Đại An	Chư Păh	180
5	Hồ Làng Roih	Chư Păh	450
6	Đập Dê Tuêk	Chư Păh	150
7	Hồ Làng Canh	Chư Păh	1.000
8	Hồ Đăk Kut	Đak Đoa	270

STT	Tên công trình	Địa điểm (trên địa bàn các xã thuộc huyện trước sáp nhập)	Diện tích tưới dự kiến (ha)
9	Hồ Krông Grang	Đak Đoa	50
10	Hồ Nước Nơr	Đak Đoa	200
11	Đập Ia Năng 1	Đak Đoa	120
12	Hồ Gò Mít	Đak Đoa	80
13	Đập KonJôt	Đak Đoa	20
14	Hồ Đăk Puch	Đak Đoa	430
15	Hồ Ia Grang	Đak Đoa	130
16	Đập Kon Ma Ha (Đông)	Đak Đoa	10
17	Đập Kon Ma Ha	Đak Đoa	10
18	Hồ Kon Plek 1	Đak Đoa	20
19	Đập Kon Plek 2	Đak Đoa	30
20	Hồ Chi Hơ Mê	Đak Đoa	70
21	Hồ Ia Kron	Đak Đoa	600
22	Hồ Grai Kron	Đak Đoa	350
23	Hồ Đăk BLan	Đak Đoa	450
24	Hồ Ya Kút	Đak Đoa	350
25	Hồ Plei Hlâm	Đak Đoa	70
26	Hồ Ia Tang	Đức Cơ	50
27	Hồ Ia Păng	Đức Cơ	70
28	Hồ Sung Tung	Đức Cơ	200
29	Hồ Ô Pếch	Ia Grai	350
30	Hồ Làng Sen	Ia Grai	450
31	Hồ Ia Tô Thượng	Ia Grai	200
32	Hồ Ia Kiâm 1	Ia Grai	300
33	Hồ Ia Tông	Ia Grai	250
34	Hồ Ia Bơ Lang 1	Ia Grai	150
35	Đập Ia Kiâm 3	Ia Grai	900
36	Hồ Ia Bang thượng	Ia Grai	300
37	Hồ Lang O	Ia Grai	150
38	Hồ Ia Kle	Ia Grai	350
39	Hồ Làng Mít Kom	Ia Grai	150
40	Đập Làng Bek	Ia Grai	250
41	Hồ Làng Myah	Ia Grai	350
42	Hồ Làng Gôk	Ia Grai	900
43	Đập Đăk Plin	Kbang	20
44	Hồ Ia Chăm	Pleiku	200
45	Hồ Ia Rơ Dung	Pleiku	500
46	Hồ Ia En	Pleiku	250

Chi tiết danh mục các công trình nâng cấp, sửa chữa toàn diện

STT	Tên công trình	Địa điểm (trên địa bàn các xã thuộc huyện trước sáp nhập)	Diện tích tưới sau nâng cấp (ha)
1	Đập Ia Rung 2 (Ia Rue)	Chư Păh	24
2	Đập Ia Roey	Chư Păh	52
3	Đập Plei pơ Tâu	Đak Đoa	150
4	Hồ Thôn 2	Đak Đoa	3
5	Đập Đê Thung	Đak Đoa	45
6	Đập Đak Tim	Đak Đoa	29
7	Đập Đăk Tơ Nghĩa 2	Đak Đoa	6
8	Cửa chia nước Ia Grai	Đak Đoa	80
9	Đập Đak Tơ Mach	Đak Đoa	10
10	Đập Trà Trập	Đak Đoa	17
11	Hồ Làng Mới	Đức Cơ	9
12	Đập Ia Dok (Làng Poong)	Đức Cơ	27
13	Đập Ia Krêl	Đức Cơ	44
14	Hồ đội 3 - CT.75	Đức Cơ	80
15	Hồ Tổ dân phố 5	Đức Cơ	5
16	Hồ TDP7	Đức Cơ	7
17	Hồ C3 (Đội 4-2)	Ia Grai	90
18	Hồ đội 2	Ia Grai	150
19	Hồ Làng Tốt	Ia Grai	130
20	Hồ Ia Năng	Ia Grai	250
21	Hồ Ia Hrunng	Ia Grai	295
22	Hồ làng Me	Ia Grai	23
23	Hồ đội 4	Ia Grai	40
24	Hồ đội Ia Kha	Ia Grai	120
25	Hồ đội 9	Ia Grai	120
26	Hồ Ku Tông	Ia Grai	40
27	Hồ Đê Chí	Ia Grai	20
28	Hồ Ia kring (Ia Jong)	Ia Grai	34
29	Hồ đội 1 (Bản ốt)	Ia Grai	150
30	Hồ đội 3 (Bản Jut)	Ia Grai	210
31	Hồ đội 8	Ia Grai	45
32	Hồ Ia zran (Ra Zan)	Ia Grai	113
33	Đập Ia Tô	Ia Grai	75
34	Đập Ia Châm	Ia Grai	420
35	Hồ đội 2 (Ghi chú: Cần kiên cố tràn, làm cầu)	Ia Grai	60
36	Hồ đội 2 (Ghi chú: Cần gia cố đập, mái thượng lưu)	Ia Grai	120
37	Đăk Tơ Pốt	Kbang	27

STT	Tên công trình	Địa điểm (trên địa bàn các xã thuộc huyện trước sáp nhập)	Diện tích tưới sau nâng cấp (ha)
38	Hồ Biển Hồ (Hồ B)	TP. Pleiku	2.445
39	Đập Plei Wau	TP. Pleiku	11
40	Đập đất An Mỹ	TP. Pleiku	17
41	Đập An Phú	TP. Pleiku	45
42	Đập Ia Lom	TP. Pleiku	31

6. VÙNG IA MOR - IA LỚP

Đối với nhóm công trình xây dựng mới: Dự kiến bố trí 3.494 tỷ đồng

Đối với nhóm công trình nâng cấp, sửa chữa: Dự kiến bố trí 93 tỷ đồng

Chi tiết danh mục 43 công trình xây dựng mới

STT	Tên công trình	Địa điểm (trên địa bàn các xã thuộc huyện trước sáp nhập)	Diện tích tưới dự kiến (ha)	Quy mô/Loại hình
1	Hồ Xuân Me	Chư Prông	110	Hồ chứa
2	Hồ Bình Thanh	Chư Prông	200	Hồ chứa
3	Hồ Làng Sùng	Chư Prông	200	Hồ chứa
4	Hồ Yên Me	Chư Prông	120	Hồ chứa
5	Hồ Ia Boòng	Chư Prông	300	Hồ chứa
6	Hồ Ia Kành	Chư Prông	120	Hồ chứa
7	Hồ Ia Kành 1	Chư Prông	130	Hồ chứa
8	Hồ Ia Tôk 1	Chư Prông	180	Hồ chứa
9	Hồ Plei Neo	Chư Prông	500	Hồ chứa
10	Hồ Suối Mơ thượng 1	Chư Prông	130	Hồ chứa
11	Hồ Làng Siêu	Chư Prông	410	Hồ chứa
12	Hồ Suối Tôr (Plei Dio)	Chư Prông	800	Hồ chứa
13	Kênh tiếp nước làng Me	Chư Prông	70	Tuyến kênh
14	Hồ Làng Bắc	Chư Prông	120	Hồ chứa
15	Hồ Ia Hô 1	Chư Prông	450	Hồ chứa
16	Hồ Ia Blứ	Chư Puh	270	Hồ chứa
17	Hồ Đồng Xuân	Chư Puh	280	Hồ chứa
18	Hồ Ia Your	Chư Puh	300	Hồ chứa
19	Đập Ia Lốp 2	Chư Puh	500	Đập dâng
20	Hồ Suối Tiên	Chư Puh	120	Hồ chứa
21	Hồ Klang Thượng	Chư Puh	150	Hồ chứa
22	Hồ Tung Reng	Chư Puh	400	Hồ chứa
23	Hồ Klang Hạ	Chư Puh	190	Hồ chứa
24	Hồ Tung Mo A	Chư Puh	400	Hồ chứa
25	Hồ Ia Hla	Chư Puh	450	Hồ chứa

STT	Tên công trình	Địa điểm (trên địa bàn các xã thuộc huyện trước sáp nhập)	Diện tích tưới dự kiến (ha)	Quy mô/Loại hình
26	Hồ Làng Rok	Chư Sê	145	Hồ chứa
27	Hồ Ia Đar	Chư Sê	50	Hồ chứa
28	Hồ Yon Ngo	Chư Sê	300	Hồ chứa
29	Hồ Ia Keng	Chư Sê	300	Hồ chứa
30	Hồ Làng Vel	Chư Sê	400	Hồ chứa
31	Hồ Ia Lốp Thượng	Chư Sê	540	Hồ chứa
32	Hồ Ia Kriêng	Đức Cơ	350	Hồ chứa
33	Hồ Ia Krai	Đức Cơ	90	Hồ chứa
34	Đập Ia Klũh	Đức Cơ	40	Đập dâng
35	Hồ Thanh Giáo	Đức Cơ	50	Hồ chứa
36	Hồ Ia Lôm	Đức Cơ	100	Hồ chứa
37	Hồ Ia Ko	Đức Cơ	140	Hồ chứa
38	Hồ Ia Lang	Đức Cơ	800	Hồ chứa
39	Hồ Ia Gren	Đức Cơ	300	Hồ chứa
40	Hồ Krenng Net	Đức Cơ	400	Hồ chứa
41	Hồ Ia Nao	Pleiku	90	Hồ chứa
42	Đập Làng B	Pleiku	250	Đập dâng
43	Hồ Ia Boe	Pleiku	200	Hồ chứa

Chi tiết danh mục các công trình nâng cấp, sửa chữa

STT	Tên công trình	Địa điểm (trên địa bàn các xã thuộc huyện trước sáp nhập)	Diện tích tưới sau nâng cấp (ha)	Tình trạng công trình/Nhiệm vụ nâng cấp
1	Hồ Hoàng Ân	Chư Prông	703	Nạo vét lòng hồ; Kiên cố 2,5km kênh chính
2	Đập Ia Tơr	Chư Prông	40	Nâng cấp thân đập, cống lấy nước
3	Đập Ia Kly	Chư Prông	27	Sửa chữa thân đập, cống lấy nước
4	Đập thôn 6-2	Chư Prông	25	Sửa chữa thân đập, cống lấy nước
5	Đập Ia Jô	Chư Puh	12	Nâng cấp ổn định tưới
6	Đập Ia Lốp	Chư Sê	55	Kiên cố 1km kênh đập dâng Ia Lốp
7	Hồ Ia Glei	Chư Sê	209	Nạo vét lòng hồ, kênh mương
8	Đập Làng Á	Chư Sê	52	Nâng cấp đập

STT	Tên công trình	Địa điểm (trên địa bàn các xã thuộc huyện trước sáp nhập)	Diện tích tưới sau nâng cấp (ha)	Tình trạng công trình/Nhiệm vụ nâng cấp
9	Đập O Bung	Chư Sê	75	Nâng cấp đầu mối bị sạt lở
10	Đập Orung (O Grung)	Chư Sê	30	Nâng cao trình đập lên 2m, làm kênh mương tưới bên phải
11	Đập O Bung 1 (Tai Glai)	Chư Sê	29	Làm lại phai điều tiết, kiên cố 1 km kênh
12	Hồ C12	Đức Cơ	15	Cần nâng cấp đập, tràn (hiện tại dân quản lý)
13	Đập Ia Pnôn (Làng Tung)	Đức Cơ	55	Nâng cấp đập, tràn, cống, kênh
14	Đập Làng Sơn (Ia Nan)	Đức Cơ	9	Nạo vét khu trữ nước trước đập, xây dựng cống xả cát
15	Hồ C5	Đức Cơ	47	Kiên cố hóa kênh mương

Phụ lục VI
KẾ HOẠCH DIỆN TÍCH ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP ĐƯỢC TƯỚI TIÊU CHỦ
ĐỘNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN NĂM 2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

STT	Đơn vị	Diện tích tưới	Tỷ lệ tưới (%)	Diện tích tưới chủ động
	Tổng cộng	768.614	28.88	221,994
1	Phường Quy Nhơn			
2	Phường Quy Nhơn Đông	585	100	585
3	Phường Quy Nhơn Tây	811	100	811
4	Phường Quy Nhơn Nam			
5	Phường Quy Nhơn Bắc	825	100	825
6	Xã Nhơn Châu			
7	Phường Bình Định	1,711	100	1,711
8	Phường An Nhơn	2,148	100	2,148
9	Phường An Nhơn Đông	1,121	100	1,121
10	Xã An Nhơn Tây	2,216	100	2,216
11	Phường An Nhơn Nam	2,590	100	2,590
12	Phường An Nhơn Bắc	1,768	100	1,768
13	Phường Bồng Sơn	1,785	100	1,785
14	Phường Hoài Nhơn	2,568	100	2,568
15	Phường Tam Quan	1,766	100	1,766
16	Phường Hoài Nhơn Đông	2,199	100	2,199
17	Phường Hoài Nhơn Tây	2,663	100	2,663
18	Phường Hoài Nhơn Nam	2,360	100	2,360
19	Phường Hoài Nhơn Bắc	2,737	100	2,737
20	Xã Phù Cát	3,365	100	3,365

STT	Đơn vị	Diện tích tưới	Tỷ lệ tưới (%)	Diện tích tưới chủ động
21	Xã Xuân An	2,327	100	2,327
22	Xã Ngô Mây	2,208	100	2,208
23	Xã Cát Tiến	2,922	99	2,895
24	Xã Đê Gi	3,900	100	3,900
25	Xã Hòa Hội	4,536	99	4,483
26	Xã Hội Sơn	4,040	100	4,040
27	Xã Phù Mỹ	4,363	100	4,383
28	Xã An Lương	2,768	100	2,768
29	Xã Bình Dương	3,241	100	3,241
30	Xã Phù Mỹ Đông	3,365	100	3,365
31	Xã Phù Mỹ Tây	3,915	99	3,865
32	Xã Phù Mỹ Nam	4,994	98	4,902
33	Xã Phù Mỹ Bắc	4,991	99	4,929
34	Xã Tuy Phước	3,586	100	3,586
35	Xã Tuy Phước Đông	4,551	100	4,551
36	Xã Tuy Phước Tây	2,538	100	2,538
37	Xã Tuy Phước Bắc	4,014	100	4,014
38	Xã Tây Sơn	2,294	100	2,294
39	Xã Bình Khê	2,574	100	2,574
40	Xã Bình Phú	2,157	100	2,157

STT	Đơn vị	Diện tích tưới	Tỷ lệ tưới (%)	Diện tích tưới chủ động
41	Xã Bình Hiệp	3,555	100	3,555
42	Xã Bình An	3,495	100	3,495
43	Xã Hoài Ân	3,777	100	3,777
44	Xã Ân Tường	2,153	100	2,153
45	Xã Kim Sơn	1,365	100	1,365
46	Xã Vạn Đức	1,991	100	1,991
47	Xã Ân Hào	2,358	100	2,358
48	Xã Vân Canh	685	100	685
49	Xã Canh Vinh	1,219	100	1,219
50	Xã Canh Liên	328	91	298
51	Xã Vĩnh Thạnh	597	100	597
52	Xã Vĩnh Thịnh	1,352	97	1,306
53	Xã Vĩnh Quang	1,337	97	1,292
54	Xã Vĩnh Sơn	1,089	97	1,054
55	Xã An Hòa	1,041	96	999
56	Xã An Lão	1,027	96	986
57	Xã An Vinh	618	96	593
58	Xã An Toàn	207	96	199
59	Phường Pleiku	552	61	338
60	Phường Hội Phú	885	55	488

STT	Đơn vị	Diện tích tưới	Tỷ lệ tưới (%)	Diện tích tưới chủ động
61	Phường Thống Nhất	715	58	414
62	Phường Diên Hồng	801	59	472
63	Phường An Phú	3,548	66	2,342
64	Xã Biển Hồ	7,640	73	5,583
65	Xã Gà	8,030	19	1,548
66	Xã Ia Ly	3,877	20	770
67	Xã Chư Păh	7,060	8	577
68	Xã Ia Khuol	6,942	8	531
69	Xã Ia Phí	8,300	10	868
70	Xã Chư Prông	8,866	7	634
71	Xã Bàu Cạn	8,670	8	682
72	Xã Ia Boàng	10,300	7	670
73	Xã Ia Lâu	16,950	5	844
74	Xã Ia Pia	16,630	5	833
75	Xã Ia Tôr	10,140	6	593
76	Xã Ia Mơ	6,750	32	2,162
77	Xã Ia Púch	10,310	6	594
78	Xã Chư Sê	10,800	97	10,500
79	Xã Bờ Ngoong	9,966	20	1,953
80	Xã Ia Ko	13,190	5	707

STT	Đơn vị	Diện tích tưới	Tỷ lệ tưới (%)	Diện tích tưới chủ động
81	Xã Al bá	6,205	10	592
82	Xã Chư Puh	12,876	5	675
83	Xã Ia Le	24,750	5	1,185
84	Xã Ia Hrú	13,560	8	1,118
85	Phường An Khê	4,034	5	211
86	Phường An Bình	9,322	97	9,078
87	Xã Cửu An	7,550	9	675
88	Xã Đăk Pơ	12,072	6	687
89	Xã Ya Hội	5,771	6	359
90	Xã Kbang	10,754	12	1,325
91	Xã Kông Bơ La	10,540	13	1,325
92	Xã Tơ Tung	7,270	17	1,223
93	Xã Sơn Lang	6,036	7	432
94	Xã Đăk Rong	2,754	31	843
95	Xã Krong	3,017	5	160
96	Xã Kông Chro	10,870	7	721
97	Xã Ya Ma	6,380	4	252
98	Xã Chư Krey	9,333	5	478
99	Xã Sró	5,832	8	448
100	Xã Đăk Song	3,140	7	220

STT	Đơn vị	Diện tích tưới	Tỷ lệ tưới (%)	Diện tích tưới chủ động
101	Xã Chợ Long	7,271	5	379
102	Phường Ayun Pa	2,064	63	1,296
103	Xã Ia Rbol	5,059	8	428
104	Xã Ia Sao	4,862	6	293
105	Xã Phú Thiện	17,144	8	1,395
106	Xã Chư A Thai	7,078	15	1,088
107	Xã Ia Hiao	7,170	10	735
108	Xã Pờ Tó	12,432	12	1,549
109	Xã Ia Pa	12,071	11	1,340
110	Xã Ia Tul	12,473	13	1,662
111	Xã Phú Túc	14,197	34	4,866
112	Xã Ia Dreh	8,932	12	1,064
113	Xã Ia Rsai	10,494	10	1,084
114	Xã Uar	11,088	10	1,084
115	Xã Đak Đoa	6,668	7	442
116	Xã Kon Gang	9,890	6	607
117	Xã Ia Băng	10,081	15	1,463
118	Xã KDang	12,103	7	835
119	Xã Đak Somei	3,489	17	598
120	Xã Mang Yang	8,101	6	468

STT	Đơn vị	Diện tích tưới	Tỷ lệ tưới (%)	Diện tích tưới chủ động
121	Xã Lơ Pang	6,941	8	533
122	Xã Kon Chiêng	3,392	30	1,025
123	Xã Hra	3,299	14	447
124	Xã Ayun	2,016	38	775
125	Xã Ia Grai	7,652	6	492
126	Xã Ia Krái	13,645	29	3,948
127	Xã Ia Hrung	12,993	15	1,942
128	Xã Ia Chia	6,265	7	446
129	Xã Ia O	6,417	8	493
130	Xã Đức Cơ	9,269	6	569
131	Xã Ia Dok	9,152	6	543
132	Xã Ia Krêl	10,110	5	504
133	Xã Ia Dom	7,047	6	435
134	Xã Ia Nan	6,429	7	426
135	Xã Ia Pnôn	7,636	6	470

Phụ lục VII
HIỆN TRẠNG TƯỚI TIỀN TIẾN, TIẾT KIỂM NƯỚC NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

1. Khu vực phía Đông tỉnh

TT	Loại cây trồng	Tổng diện tích gieo trồng	Diện tích được áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước (ha)					Tổng
			Tưới nhỏ giọt	Tưới phun mưa	Tưới ngầm cục bộ	Tưới ướtkhô xen kẽ (nông lộ phơi)	Tưới tiết kiệm nước khác (trong nhà lưới, nhà kính,...)	
I	Cây lúa	92.866,0						9.450,5
II	Cây trồng cạn	49.683,2	1.656,5	13.777,0			1,6	15.435,1
1	Cây hàng năm	41.980,3	1.434,3	12.568,5			1,6	14.004,4
2	Cây lâu năm	7.702,9	222,2	1.208,5				1.430,7
Tổng		142.549,20						24.885,60

2. Khu vực phía Tây tỉnh

STT	Địa phương, đơn vị	Tổng cộng (ha)	Cây cà phê	Cây hồ tiêu	Cây rau, đậu đỗ, hoa các loại	Cây ăn quả	Cây mía	Cây dược liệu	Cỏ chăn nuôi, dâu tằm	Cây khoai lang	Cây thuốc lá	Cây ngô	Cây trồng khác
I	Ứng dụng công nghệ tưới	62.629,7	18.887,6	2.862,8	7.459,7	13.542,0	7.031,4	269,5	2.230,8	1.562,0	4.099,5	1.153,0	3.531,4
1	Ứng dụng công nghệ Tưới phun mưa	35.786,0	18.575,2	1.972,3	4.199,2	7.101,9	1.416,0	66,5	1.802,8	250,0	0,0	107,0	295,1
2	Ứng dụng công nghệ Tưới nhỏ giọt	16.438,3	264,4	699,0	1.251,1	1.718,0	4.550,4	186,0	395,0	200,0	3.814,5	870,0	2.489,9
3	Ứng dụng công nghệ Tưới nhỏ giọt kết hợp bón phân	10.328,4	48,0	191,5	1.948,6	4.710,5	1.065,0	17,0	33,0	1.112,0	285,0	176,0	741,8
4	Ứng dụng công nghệ Tưới tiết kiệm trong nhà lưới, nhà kính	73,0	0,0	0,0	60,9	11,6	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,6
5	Ứng dụng công nghệ tưới khác....	4,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	4,0
II	Đối tượng áp dụng tưới tiết kiệm là Nhân dân	49.872,0	18.385,6	2.539,6	7.316,4	7.834,7	2.561,4	106,5	1.030,8	1.442,0	4.096,0	1.153,0	3.406,0
1	Ứng dụng công nghệ Tưới phun mưa	32.794,2	18.226,2	1.959,1	4.163,3	6.050,2	916,0	64,5	832,8	250,0	0,0	107,0	225,0
2	Ứng dụng công nghệ Tưới nhỏ giọt	11.662,0	144,4	420,0	1.220,3	768,8	1.585,4	36,0	165,0	200,0	3.811,0	870,0	2.441,1

Phụ lục VIII
NÂNG CẤP SỬA CHỮA CÁC CÔNG TRÌNH ĐẬP DÂNG PHÍA ĐÔNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ	Hiện trạng công trình	Quy mô đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
		Xã					
1	Sửa chữa nâng cấp đập Bà Chái	Xã Bình Dương	Dâng nước tưới cho 20 ha đất SXNN	Đập tạm (đập bồi)	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 3m	8.00	Đề xuất đầu tư trong Đề án giải pháp nguồn nước khu vực Bắc Phù Mỹ
2	Sửa chữa nâng cấp đập Hóc Lang	Xã Bình Dương	Dâng nước tưới cho 20 ha đất SXNN	Đập tạm (đập bồi)	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 3m	8.00	Đề xuất đầu tư trong Đề án giải pháp nguồn nước khu vực Bắc Phù Mỹ
3	Sửa chữa nâng cấp đập dâng Đông Rông	Xã Bình Dương	Dâng nước tưới cho 14 ha đất SXNN	Đập tạm (đập bồi)	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 2m	5.00	Đề xuất đầu tư trong Đề án giải pháp nguồn nước khu vực Bắc Phù Mỹ
4	Sửa chữa nâng cấp đập dâng Gò Phu	Xã Bình Dương	Dâng nước tưới cho 20 ha đất SXNN	Đập tạm (đập bồi)	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 2m	5.00	Đề xuất đầu tư trong Đề án giải pháp nguồn nước khu vực Bắc Phù Mỹ

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ	Hiện trạng công trình	Quy mô đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
		Xã					
5	Sửa chữa nâng cấp đập dâng Suối Cán	Xã Bình Dương	Dâng nước tưới cho 15 ha đất SXNN	Đập tạm (đập bồi)	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 2m	5.00	Đề xuất đầu tư trong Đề án giải pháp nguồn nước khu vực Bắc Phù Mỹ
6	Sửa chữa nâng cấp đập dâng Đông Đung	Xã Bình Dương	Dâng nước tưới cho 15 ha đất SXNN	Đập tạm (đập bồi)	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 2m	5.00	Đề xuất đầu tư trong Đề án giải pháp nguồn nước khu vực Bắc Phù Mỹ
7	Xây dựng mới đập dâng Cửa Thượng	Xã Phù Mỹ Đông	Tưới, tiêu khoảng 55 ha đất canh tác	Đập tạm (đập bồi)	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 3m	5.00	Đề xuất đầu tư trong Đề án giải pháp nguồn nước khu vực Bắc Phù Mỹ
8	Đập dâng Cửa Tường (Gò Lồi)	Xã Phù Mỹ Đông	Tưới khoảng 20 ha đất canh tác và tiêu thoát lũ	Kết cấu bằng đá xây hư hỏng nặng, không đảm bảo thoát lũ	Xây dựng mới	5.00	
9	Sửa chữa nâng cấp đập Đòng The	Xã Phù Mỹ Đông	Tưới khoảng 10 ha đất canh tác và tiêu thoát lũ	Đập tạm (đập bồi)	Xây dựng mới	1.00	
10	Sửa chữa nâng cấp đập Lỗ Sôi	Xã Phù Mỹ Bắc	Tưới 70 ha đất SXNN	Đập đất xuống cấp	Sửa chữa, nâng cấp đập đất, tràn, công lấy nước	8.00	Đề xuất đầu tư trong Đề án giải pháp nguồn nước

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ	Hiện trạng công trình	Quy mô đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
		Xã					
							khu vực Bắc Phù Mỹ
11	Sửa chữa nâng cấp đập Bờ Tấn	Xã Phù Mỹ Bắc	Tưới 54,3 ha đất SXNN	Đá xây bị gãy sập, đất đắp sạt lở, hư hỏng xuống cấp	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 3m	5.00	Đề xuất đầu tư trong Đề án giải pháp nguồn nước khu vực Bắc Phù Mỹ
12	Sửa chữa nâng cấp đập Bé	Xã Phù Mỹ Bắc	Tưới 15,0 ha đất SXNN	Đá xây bị gãy sập, đất đắp sạt lở, hư hỏng xuống cấp	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 2m	5.00	Đề xuất đầu tư trong Đề án giải pháp nguồn nước khu vực Bắc Phù Mỹ
13	Sửa chữa nâng cấp đập Thoại	Xã Phù Mỹ Bắc	Tưới 30,0 ha đất SXNN	Đá xây bị gãy sập, đất đắp sạt lở, hư hỏng xuống cấp	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 2m	5.00	Đề xuất đầu tư trong Đề án giải pháp nguồn nước khu vực Bắc Phù Mỹ
14	Sửa chữa nâng cấp đập dâng Đập Mới	Xã Phù Mỹ Bắc	Tưới 50 ha đất SXNN	Đá xây bị gãy sập, hư hỏng xuống cấp nặng.	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 2m	5.00	Đề xuất đầu tư trong Đề án giải pháp nguồn nước khu vực Bắc Phù Mỹ

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ	Hiện trạng công trình	Quy mô đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
		Xã					
15	Sửa chữa nâng cấp đập Bà Tùng	Xã Phù Mỹ Bắc	Tưới 45 ha đất SXNN	Đập đất xuống cấp.	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 2m	5.00	Đề xuất đầu tư trong Đề án giải pháp nguồn nước khu vực Bắc Phù Mỹ
16	Sửa chữa nâng cấp đập Ông Can	Xã Phù Mỹ Bắc	Tưới 30,1 ha đất SXNN	Đá xây bị gãy sập, đất đắp sạt lở, hư hỏng xuống cấp	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 2m	5.00	Đề xuất đầu tư trong Đề án giải pháp nguồn nước khu vực Bắc Phù Mỹ
17	Sửa chữa nâng cấp đập Đồi	Xã Phù Mỹ Bắc	Tưới 30,0 ha đất SXNN	Đá xây bị gãy sập, đất đắp sạt lở, hư hỏng xuống cấp	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 2m	5.00	Đề xuất đầu tư trong Đề án giải pháp nguồn nước khu vực Bắc Phù Mỹ
18	Sửa chữa nâng cấp đập Cây Bông	Xã Phù Mỹ Bắc	Tưới 25,5 ha đất SXNN	Đá xây bị gãy sập, đất đắp sạt lở, hư hỏng xuống cấp	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 2m	5.00	Đề xuất đầu tư trong Đề án giải pháp nguồn nước khu vực Bắc Phù Mỹ
19	Sửa chữa nâng cấp đập Hóa	Xã Phù Mỹ Bắc	Tưới 20,0 ha đất SXNN	Đá xây bị gãy sập, đất đắp sạt lở, hư hỏng xuống cấp	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 2m	5.00	Đề xuất đầu tư trong Đề án giải pháp nguồn nước

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ	Hiện trạng công trình	Quy mô đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
		Xã					
							khu vực Bắc Phù Mỹ
20	Sửa chữa nâng cấp đập Bọng	Xã Phù Mỹ Bắc	Tưới 15,0 ha đất SXNN	Đá xây bị gãy sụn, đất đắp sạt lở, hư hỏng xuống cấp	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 2m	5.00	Đề xuất đầu tư trong Đề án giải pháp nguồn nước khu vực Bắc Phù Mỹ
21	Sửa chữa nâng cấp đập Tích thủy xóm 5, Vạn Phú	Xã Phù Mỹ Bắc	Tưới chủ động cho 25ha	Hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 2m	5.00	Đề xuất đầu tư trong Đề án giải pháp nguồn nước khu vực Bắc Phù Mỹ
22	Sửa chữa nâng cấp đập Tích thủy xóm 3, Vạn An	Xã Phù Mỹ Bắc	Tưới chủ động cho 25ha	Hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 2m	5.00	Đề xuất đầu tư trong Đề án giải pháp nguồn nước khu vực Bắc Phù Mỹ
23	Đập dâng Ông Lắm	Xã Phù Mỹ	Phục vụ tưới sản xuất nông nghiệp	Xuống cấp nghiêm trọng	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 2m	5.00	
24	Sửa chữa nâng cấp đập dâng Đập Giấy	Xã Phù Mỹ Tây	Điều tiết nước tưới cho khoảng 50 ha đất	Đập tụt (đập bồi)	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 2m	5.00	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ	Hiện trạng công trình	Quy mô đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
		Xã					
			canh tác của thôn Trung Hội				
25	Sửa chữa nâng cấp đập tràn Cây Chay	Xã Phù Mỹ Tây	Điều tiết tưới cho khoảng 35 ha đất canh tác của các thôn Hội Phú, An Lạc 1	Đập tạm (đập bồi)	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 2m	5.00	
26	Sửa chữa nâng cấp đập Bầu Đá	Xã Vạn Đức	Tưới chủ động 45ha lúa	Đập đất xuống cấp	Xây dựng lại đập mới BTCT 3 cửa x 2m	5.00	
27	Sửa chữa nâng cấp đập Sông Nôm	P. Hoài Nhơn Bắc	Dâng nước tưới cho nông nghiệp	Xuống cấp nghiêm trọng	Xây dựng lại đập mới BTCT 5 cửa x 3m	17.60	
28	Sửa chữa nâng cấp đập Ổ Ổ	Xã Đê Gi	Tưới cho 50 ha diện tích sản xuất	Chiều cao đập 4,2m, chiều dài đập 12m, vận hành bằng ván phai, kích thước cửa n(BxH): 5(2x2,3)m	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng, chuyển đổi hình thức vận hành bằng ván phai sang kiểu vít-me (hoặc tời điện)	10.00	
29	Sửa chữa nâng cấp đập Thạch Đê	Phường An Nhơn	Tưới cho 558,04 ha diện tích sản xuất	Chiều cao đập 2,8m, chiều dài đập 78m, vận hành bằng ván phai, kích thước cửa n(BxH): 1(1,3x2,5)m; 7(1,4x2,5)m; 1(2,1x2,5)m; 3(2,2x2,5)m	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng, chuyển đổi hình thức vận hành bằng ván phai sang kiểu vít-me (hoặc tời điện)	30.00	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ	Hiện trạng công trình	Quy mô đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
		Xã					
30	Sửa chữa nâng cấp đập Đồng Lợi	Phường Bình Định	Tưới cho 628 ha diện tích sản xuất	Chiều cao đập 3m, chiều dài đập 24,6m, vận hành bằng ván phai, kích thước cửa n(BxH): 10x(2x2)m	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng, chuyển đổi hình thức vận hành bằng ván phai sang kiểu vít-me (hoặc tời điện)	40.00	
31	Sửa chữa nâng cấp đập Thanh Hòa II	Phường An Nhơn Nam	Tưới cho 59 ha diện tích sản xuất	Chiều cao đập 3,2m, chiều dài đập 37m, vận hành bằng ván phai, kích thước cửa n(BxH): 15x(1,8x3,2)m	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng, chuyển đổi hình thức vận hành bằng ván phai sang kiểu vít-me (hoặc tời điện)	50.00	
32	Sửa chữa nâng cấp đập Hương Hòa	Xã Tuy Phước Đông	Tưới cho 18 ha diện tích sản xuất	Chiều cao đập 2m, chiều dài đập 19m, vận hành bằng ván phai, kích thước cửa n(BxH): 8x(2x2)m	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng, chuyển đổi hình thức vận hành bằng ván phai sang kiểu vít-me (hoặc tời điện)	20.00	
33	Nâng cấp, cải tạo Đập Rừng Rinh	Xã Hòa Hội	Đảm bảo tưới cho 120ha đất sản xuất, chống sạt lở	Xuống cấp nghiêm trọng	Sửa chữa nâng cấp	15.00	

Phụ lục IX
NÂNG CẤP, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH TRẠM BƠM PHÍA ĐÔNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ	Hiện trạng	Quy mô đầu tư	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
		Xã					
1	Trạm bơm điện An Giang	Xã Phù Mỹ Bắc	Bơm tưới khoảng 56 ha/vụ của thôn An Giang Tây	Xuống cấp hư hỏng nặng công trình đầu mối.	Sửa chữa, nâng cấp	4.00	Đề xuất đầu tư trong Đề án giải pháp nguồn nước khu vực Bắc Phù Mỹ
2	Trạm bơm tưới đồng Gò Trên+ đồng Nhà Tin	Xã Ngõ Mây	Tưới cho hơn 25 ha đất SXNN	Chưa có	Xây dựng mới	3.00	

Phụ lục X
NÂNG CẤP, ĐẦU TƯ SỬA CHỮA CÁC CÔNG TRÌNH KÊNH MƯƠNG PHÍA ĐÔNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ	Hiện trạng công trình	Quy mô đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng	Chiều dài công trình đầu tư kiên cố, sửa chữa, nâng cấp (Km)	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
		Xã						
1	Sửa chữa kênh tưới hồ Cảnh Hậu	Hoài Nhơn Bắc	Theo thiết kế, công trình có nhiệm vụ chuyển tải nước phục vụ sản xuất cho 500ha của phường Hoài Nhơn Bắc	Hệ thống kênh chính Bắc, kênh chính Nam và các tuyến kênh nhánh cùng các công trình trên kênh hư hỏng, xuống cấp, rò rỉ thất thoát nước, gây khó khăn trong quá trình vận hành chuyển tải nước	Nâng cấp, mở rộng đường ống thép kênh chính Bắc, kênh chính Nam và các tuyến kênh nhánh Sửa chữa các hư hỏng công trình trên kênh	14.05	15.0	Nghị Quyết số 63/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của Hội Đồng Nhân Dân tỉnh Bình Định (trước đây) về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030
2	Đầu tư kiên cố kênh tiêu trong hệ thống công trình do Công ty TNHH khai thác công trình thủy lợi Bình	Trên địa bàn phía Đông tỉnh	Tiêu thoát lũ trong mùa mưa lũ	Các tuyến kênh tiêu là kênh đất thường xuyên bị sạt lở, bồi lấp, gây ách tắc dòng chảy, dẫn	Kiên cố hóa các tuyến kênh tiêu bằng kết cấu BT, BTCT	34.47	90.0	Nghị Quyết số 63/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của Hội Đồng Nhân Dân

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ	Hiện trạng công trình	Quy mô đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng	Chiều dài công trình đầu tư kiên cố, sửa chữa, nâng cấp (Km)	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
		Xã						
	Định quản lý vận hành.							tỉnh Bình Định (trước đây) về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030
3	Kiên cố hóa hệ thống kênh mương do Công ty TNHH khai thác công trình thủy lợi Bình Định quản lý, vận hành	Trên địa bàn phía Đông tỉnh	Chuyển tải nước phục vụ sản xuất nông nghiệp	Các tuyến kênh tưới chưa được kiên cố dẫn đến thường xuyên bị sạt lở, bồi lấp, gây ách tắc dòng chảy, ảnh hưởng đến chuyển tải nước phục vụ sản xuất của nhân dân	Kiên cố hóa các tuyến kênh tưới bằng kết cấu BT, BTCT	43.06	103.0	Nghị Quyết số 63/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của Hội Đồng Nhân Dân tỉnh Bình Định (trước đây) về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030
	Đầu tư, sửa chữa các cầu qua kênh bị hư hỏng trong hệ thống công trình do Công ty TNHH khai thác công trình thủy lợi	Trên địa bàn phía Đông tỉnh	Các cầu giao thông có nhiệm vụ phục vụ việc quản lý, vận hành hệ thống kênh mương và phục	Các cầu qua kênh xây dựng đã lâu, quy mô nhỏ, hiện đã xuống cấp (lộ cốt thép dầm cầu, sàn cầu ...), gây nguy hiểm cho người và	Xây dựng mới cầu qua kênh		43.0	Nghị Quyết số 63/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của Hội Đồng Nhân Dân

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ	Hiện trạng công trình	Quy mô đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng	Chiều dài công trình đầu tư kiên cố, sửa chữa, nâng cấp (Km)	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
		Xã						
	Bình Định quản lý, vận hành.		vụ nhu cầu đi lại của nhân dân	phương tiện khi đi qua lại trên cầu				tỉnh Bình Định (trước đây) về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030

Phụ lục X

NÂNG CẤP, ĐẦU TƯ SỬA CHỮA CÁC CÔNG TRÌNH HỒ CHỨA PHÍA ĐÔNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026 của UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ	Hiện trạng công trình	Quy mô đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
1	Sửa chữa chống thấm hồ Tân Thắng, Thạch Khê, Hòn Lập	Xã Cát Tiên, Hoài Ân, Vĩnh Thịnh	Trữ và cung cấp nước tưới cho 578,44 ha đất SXNN	Thân và nền đập bị thấm mạnh, dòng thấm gây ướt mái hạ lưu, gây rủi ro mất an toàn công trình	Khoan phụt xử lý chống thấm thân và nền đập	42.00	Văn bản số 4577/UBND-NNMT ngày 15/4/2026 của UBND tỉnh
2	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Hải Lương	Xã Bình Dương	Cấp nước tưới cho 40 ha đất SXNN	Hồ hiện tại dung tích khoảng 20.000 m ³ , không đủ nước tưới vụ Hè Thu và vụ Mùa. Đập đất, tràn xả lũ và cống lấy nước bị hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng	Sửa chữa, nâng cấp, tăng dung tích trữ lên 150.000 m ³	18.00	
3	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Núi Giàu	Xã Phù Mỹ Nam	Cấp nước tưới cho 74 ha đất SXNN	Hồ hiện tại dung tích khoảng 350.000 m ³ , không đủ nước tưới vụ Hè Thu và vụ Mùa. Đập đất bị xói lở, không đủ chiều cao an toàn, cống lấy nước bị hư hỏng, tràn xả lũ bị xói lở kênh xả hạ lưu	Sửa chữa, nâng cấp, tăng dung tích trữ lên 500.000 m ³	25.00	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ	Hiện trạng công trình	Quy mô đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
4	Sửa chữa nâng cấp hồ Mù U	Xã Phù Mỹ Đông	Cấp nước tưới cho 15 ha đất SXNN	Hồ hiện tại dung tích khoảng 60.000 m ³ , không đủ nước tưới vụ Hè Thu và vụ Mùa. Đập đất bị xói lở, không đủ chiều cao an toàn, cống lấy nước bị hư hỏng, tràn xả lũ bị xói lở kênh xả hạ lưu	Sửa chữa, nâng cấp, tăng dung tích trữ lên 150.000 m ³	18.00	
5	Sửa chữa nâng cấp hồ Hòa Ninh	Xã Phù Mỹ Đông	Cấp nước tưới cho 22 ha đất SXNN	Hồ hiện tại dung tích khoảng 80.000 m ³ , lòng hồ bị bồi lấp. Đập, tràn cống bị hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng	Sửa chữa, nâng cấp, tăng dung tích trữ lên 150.000 m ³	18.00	
6	Sửa chữa nâng cấp hồ Cầu Dừa	Phường Bông Sơn	Cấp nước tưới cho 30 ha đất SXNN	Hồ hiện tại dung tích khoảng 30.000 m ³ , lòng hồ bị bồi lấp. Đập, tràn cống bị hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng	Sửa chữa, nâng cấp, tăng dung tích trữ lên 100.000 m ³	15.00	
7	Sửa chữa nâng cấp hồ Đập Phố	Xã Phù Mỹ Nam	Cấp nước tưới cho 65 ha đất SXNN	Hồ hiện tại dung tích khoảng 200.000 m ³ , lòng hồ bị bồi lấp. Đập, tràn cống bị hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng	Sửa chữa, nâng cấp, nạo vét lòng hồ tăng dung tích trữ lên 250.000 m ³	25.00	

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ	Hiện trạng công trình	Quy mô đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
8	Sửa chữa nâng cấp hồ Hòa Mỹ	Xã Bình Hiệp	Cấp nước tưới cho 20 ha đất SXNN	Hồ hiện tại dung tích khoảng 80.000 m ³ , lòng hồ bị bồi lấp. Đập, tràn công bị hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng	Sửa chữa, nâng cấp, nạo vét lòng hồ tăng dung tích trữ lên 150.000 m ³	18.00	
9	Sửa chữa nâng cấp hồ Bàu Làng	Xã Bình Phú	Cấp nước tưới cho 15 ha đất SXNN	Hồ hiện tại dung tích khoảng 150.000 m ³ , lòng hồ bị bồi lấp. Đập, tràn công bị hư hỏng, xuống cấp nghiêm trọng	Sửa chữa, nâng cấp, nạo vét lòng hồ tăng dung tích trữ lên 250.000 m ³	25.00	
10	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Hố Giang	Phường Tam Quan	Hồ chứa nước Hố Giang trên địa bàn phường Tam Quan. Công trình có dung tích thiết kế 1,525 triệu m ³ , cung cấp nước phục vụ sản xuất cho khoảng 175ha/vụ	Lòng hồ bị bồi lắng làm giảm dung tích của hồ chứa, cuối vụ thường xảy ra tình trạng thiếu nước do nước không tự chảy vào các công tưới. Tràn xả lũ xuất hiện dòng thấm qua hai mang tràn	Sửa chữa, nâng cấp để tăng dung tích hồ chứa. Khắc phục hiện tượng thấm qua hai mang tràn	15.00	Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của HĐND tỉnh Bình Định (trước đây) về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030

TT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Nhiệm vụ	Hiện trạng công trình	Quy mô đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới	Dự trù kinh phí (tỷ đồng)	Ghi chú
11	Đường cứu hộ 29 hồ chứa nước trong hệ thống công trình do Công ty TNHH khai thác công trình thủy lợi Bình Định quản lý, vận hành	Trên địa bàn phía Đông tỉnh	Đường cứu hộ có nhiệm vụ để các phương tiện, máy móc thiết bị di chuyển đến chân công trình để tham gia cứu hộ khi công trình xảy ra sự cố	Các tuyến đường cứu hộ là đường đất, mùa mưa lũ thường xuyên bị sinh lầy, lún, không đảm bảo cho các phương tiện di chuyển khi tham gia cứu hộ công trình	Kiên cố hóa các đường cứu hộ bằng kết cấu bê tông M250, chiều rộng kiên cố b=3,5m	72.00	Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của HĐND tỉnh Bình Định (trước đây) về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030
12	Bê tông hóa mặt đập 33 hồ chứa trong hệ thống công trình do Công ty TNHH khai thác công trình thủy lợi Bình Định quản lý, vận hành	Trên địa bàn phía Đông tỉnh	Giữ ổn định cho mặt đập, chống động nước, lầy thụt, làm suy giảm kết cấu đập	Đỉnh đập đất chưa được kiên cố, mùa mưa nước thường đọng thành vũng gây nguy hiểm cho công trình	Kiên cố hóa đỉnh đập bằng kết cấu bê tông M200, chiều rộng kiên cố b=5m	51.00	Nghị quyết số 63/NQ-HĐND ngày 27/9/2024 của HĐND tỉnh Bình Định (trước đây) về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030